

Bản án: 47/2023/DS-PT

Ngày: 16 - 2 - 2023

V/v: “Đòi nhà, đất cho ở nhờ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 468/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Đòi nhà, đất cho ở nhờ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3117/2022/QĐ-PT ngày 7 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Đồng S, sinh năm 1918; trú tại: số D, đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Ông Lý Đồng V, sinh năm 1943; trú tại: số D La Medera Ave A, CA 91732, Hoa Kỳ; vắng mặt.

+ Ông Lý Thái B, sinh năm 1951; trú tại: số A V PL # 108, S, CA 95116, Hoa Kỳ; vắng mặt;

+ Ông Lý Hồng M, sinh năm 1953; địa chỉ: B Senter Rd S S, CA 95111, Hoa Kỳ; vắng mặt;

+ Bà Phan Kim D, sinh năm 1954; địa chỉ: Số A V # 108, S, CA 95116, Hoa Kỳ; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Đồng V, ông Lý Thái B, ông Lý

Hồng M, bà Phan Kim D: Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1955; địa chỉ: Số A B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; cư trú tại: Số B (số cũ B), đường C, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; trú tại: Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1947; trú tại: Số nhà B, tổ E, khu phố F, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1958; địa chỉ: 8 V, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ liên hệ: Chung cư T, nhà số A, hẻm A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980; trú tại: Số C, đường A T, ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Anh Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1985; trú tại: Số C, đường A T, ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1949; trú tại: Số B, khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1990; trú tại: Số B, khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Anh Nguyễn Chân N1, sinh năm 1989; trú tại: Số B, đường T, khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Anh Nguyễn Đồng S1, sinh năm 1987; trú tại: Số B, đường T, khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt;

- Ông Lê Minh H1, sinh năm 1964; trú tại: Số F, khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

- Ông Lê Minh H2, sinh năm 1962; trú tại: Số D, hẻm I, đường C, khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Ông Lê Minh H3, sinh năm 1970; trú tại: Số D, hẻm I, đường C, khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Ông Lê Minh H4, sinh năm 1972; trú tại: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

- Ông Lê Minh H5, sinh năm 1977; trú tại: Số D, hẻm I, đường C, khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của bà T, anh T2, anh N, anh N1, ông H1, ông H2, ông H3, ông H4, ông H5, bà T2: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; trú tại: Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D1 (là người đại theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Lý Đồng S – bà Nguyễn Thị D1 trình bày:

Năm 1951, cụ Lý Đồng S, cụ Lâm Thị K cho cụ Vũ Thị T3 thuê căn nhà số A phố G, nay là số 291 (số cũ 243) Đường Cách mạng tháng T, khu phố B, Phường B, thành phố T, với diện tích 4m x 30m.

Ngày 07-11-1983 cụ S làm giấy ủy quyền cho cụ T3 ở căn nhà này nhưng không được sang nhượng (bán) cho người khác.

Năm 1983, cụ T3 làm đơn xin xác nhận để được sở hữu căn nhà này. Năm 1999 cụ T3 chết, căn nhà đất này do bà Nguyễn Thị L (con cụ T3) quản lý, sử dụng. Đến năm 2021 bà L chết.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại nhà đất tranh chấp. Giá trị đất tranh chấp là 4.159.631.738 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bên nguyên đơn trình bày: Trong trường hợp thỏa thuận được thì bên nguyên đơn yêu cầu bên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho gia đình cụ S 50% giá trị căn nhà đất tranh chấp này theo định giá và đồng ý giao nhà đất này cho bên bị đơn được sở hữu, sử dụng. Nếu không thỏa thuận được thì giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc gia đình bị đơn trả lại nhà đất cho nguyên đơn.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (gồm ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1) – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1951, cụ Nguyễn Văn C, cụ Vũ Thị T3 có thuê của cụ Lý Đồng S và cụ Lâm Thị K căn nhà có diện tích 4 X 15m = 60 m² tại địa chỉ trên. Đến năm 1983, cụ K định cư tại Hoa Kỳ; ngày 07-11-1983 cụ S và cụ T3 thỏa thuận làm giấy ủy quyền nhà, cụ T3 đã trả cho cụ S 04 Lượng vàng 24K, tương ứng với giá trị mua nhà. Do thực hiện chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở các tỉnh phía Nam theo Quyết định 111/CP ngày 14-4-1977; nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước không cho mua, bán nên cụ S và cụ T3 thống nhất làm giấy ủy quyền cho bà T3 ở căn nhà này với nội dung ủy quyền: “để ở không được mua bán và sang nhượng cho ai” thì mới đảm bảo chính sách của Nhà nước tại thời điểm này.

Gia đình bà L đã sử dụng căn nhà này từ năm 1951 đến nay, không có tranh chấp; làm đầy đủ nghĩa vụ thuế sử dụng đất với Nhà nước và cụ Vũ Thị T3 là người đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 4, ứng với thửa cũ số 8, tờ bản đồ số 5 (năm 1996 mảnh bản đồ số 12D – III – a).

Do chiến tranh và thời gian sử dụng đã lâu, nhà cũ bị hư hỏng nên gia đình bà L đã nhiều lần nâng cấp sửa chữa, xây dựng căn nhà mới như hiện nay và quá trình sử dụng gia đình L đã khai phá, mua thêm nên diện tích đất tăng lên 125,5 m² đất như hiện nay.

Nay những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Để thể hiện thiện chí cho hòa giải thành, bên bị đơn tự nguyện thanh toán (trả) cho bên nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng. Nếu nguyên đơn không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm bà Nguyễn Thị Thu T, anh Nguyễn Tấn T1, bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Chí N, anh Nguyễn Chân N1, ông Lê Minh H1, ông Lê Minh H2, ông Lê Minh H3, ông Lê Minh H4, ông Lê Minh H5) – bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 176, khoản 2 Điều 177, Điều 192, Điều 196, Điều 201 của Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 155, Điều 170, Điều 171, Điều 185, Điều 190, Điều 195, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 150, Điều 166, Điều 187, 191, Điều 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Lý Đồng S gồm: ông Lý Đồng V, ông Lý Thái B, ông Lý Hồng M, bà Phan Kim D đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H, về việc “Tranh chấp đòi nhà, đất cho ở nhờ”.

2. Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả) cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Lý Đồng S và cụ Lâm Thị K (gồm: ông Lý Đồng V, ông Lý Thái B, ông Lý Hồng M, bà Phan Kim D) được hưởng chung số tiền 1.988.668.000 (một tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

3. Giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) được quyền sở hữu, sử dụng chung căn nhà, đất có diện tích 121,4 m² (diện tích hiện trạng 125,5 m²), thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại số B, đường C, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà và các công trình phụ; nhà đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Liêu Văn T4, thửa 27; Tây giáp thửa 29; Nam giáp đường CMT8; Bắc giáp thửa 25.

(có Bản đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phân chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 27/4/2022, Bà Nguyễn Thị D1 là người đại theo ủy quyền của ông Lý Đồng V, ông Lý Thái B, ông Lý Hồng V1 và bà Phan Thị D2 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn cụ Lý Đồng S) kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05/01/2023 bà Nguyễn Thị D1 nộp “Đơn xin xác định yêu cầu kháng cáo”, có nội dung: Bà D1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 27/4/2022 đã nêu trên, đồng thời bổ sung kháng cáo một số nội dung mà Bản án sơ thẩm còn khiếm khuyết là:

Thứ nhất, ngày 05/01/2023 bà D1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lý Đồng V, ông Lý Thái B, ông Lý Hồng M, bà Phan Kim D đã cung cấp bổ sung chứng cứ cho Tòa án cấp phúc thẩm là: “Tờ cam kết” của ông Lý Thái B và ông Lý Hồng M lập ngày 04/10/2010 đã hợp pháp hóa Lãnh sự ngày 13/10/2010, về việc: Từ chối nhận di sản là phần tài sản được hưởng thừa kế của cha, mẹ chết để lại (cụ Lý Đồng S, cụ Lâm Thị K) đối với 04 (bốn) nhà, đất tại số B, 241, 243, 245 đường C, phường B, T (nay là thành phố) Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Như vậy, hiện nay chỉ còn 02 người là ông Lý Đồng V và bà Phan Kim D được hưởng chung số tiền 1.988.668.000 đồng. Nên bà D1 thay đổi yêu cầu kháng cáo là: Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả) cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ Lý Đồng S và cụ Lâm Thị K (gồm: ông Lý Đồng V, bà Phan Kim D) được hưởng chung số tiền 1.988.668.000 (một tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Thứ hai, Tòa sơ thẩm đã tuyên: Giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) được quyền sở hữu, sử dụng chung căn nhà, đất có diện tích 121,4 m² (diện tích hiện trạng 125,5 m²), thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại số B, đường C, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà và các công trình phụ; nhà đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Liêu Văn T4, thửa 27; Tây giáp thửa 29; Nam giáp đường

CMT8; Bắc giáp thửa 25.

Do đó, bà Nguyễn Thị D1 bổ sung yêu cầu kháng cáo là: Khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật mà những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) không chịu thanh toán (trả) số tiền 1.988.668.000 đồng cho những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Lý Đồng S, cụ Lâm Thị K là ông Lý Đồng V, bà Phan Thị D2 thì ông Lý Đồng V, bà Phan Thị D2 được quyền thanh toán (trả) số tiền 1.988.668.000 đồng cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H). Để ông Lý Đồng V, bà Phan Thị D2 được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà, đất tranh chấp, đồng thời buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H và những người đang sử dụng nhà, đất tọa lạc tại số B, đường C, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cho ông Lý Đồng V và bà Phan Thị D2 quản lý, sử dụng.

Ông Lý Đồng V, bà Phan Thị D2 được quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục đăng bộ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất đang tranh chấp hoặc cưỡng chế, kê biên, bán đấu giá.

Vì thế, bà Nguyễn Thị D1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu kháng cáo theo “Đơn xin xác định yêu cầu kháng cáo” ngày 05/01/2023 vừa nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Nguyễn Thị D1, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo “Thứ nhất” theo “Đơn xác định yêu cầu kháng cáo” ngày 05/01/2023; Rút yêu cầu kháng cáo “Thứ hai” theo “Đơn xác định yêu cầu kháng cáo” ngày 05/01/2023 nêu trên; cụ thể: Bà D1 yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L trả cho ông Lý Đồng V, bà Phan Kim Doanh số tiền 1.988.668.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn L1 có ý kiến, mặc dù sự thật là cha mẹ của bà đã mua lại căn nhà nêu trên từ nguyên đơn nhưng không còn chứng cứ chứng minh, nên đồng ý với bản án sơ thẩm vì thế không kháng cáo. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị H mong muốn phía nguyên đơn giảm số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như tòa sơ thẩm tuyên vì có công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất.

Sau khi nghe các đương sự trình bày: Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải thì các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Bà D1 yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) trả cho ông Lý Đồng V, bà Phan Kim D giá trị 60m² đất là 1.700.000.000 (một tỷ, bảy trăm triệu) đồng; ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng chung căn nhà, đất có diện tích 121,4 m² (diện tích hiện trạng 125,5 m²), thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại số B, đường C, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà và các công trình phụ. Nguyên đơn và bị đơn tự chịu chi phí tố tụng như quyết định của án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Đối với sự thỏa thuận của các đương sự như nêu trên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của Luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D1 đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Những người kế thừa các quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; do đó, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo luật định.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi nhà, đất cho ở nhờ là căn nhà số B (số C) đường C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là “Đòi nhà, đất cho ở nhờ” còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh là đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự và Điều 155 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại cấp phúc thẩm bà D1 cung cấp chứng cứ mới là: “Tờ cam kết” của ông Lý Thái B và ông Lý Hồng M lập ngày 04/10/2010 đã hợp pháp hóa Lãnh

sự ngày 13/10/2010, về việc: Từ chối nhận di sản là phần tài sản được hưởng thừa kế của cha, mẹ là cụ Lý Đồng S, cụ Lâm Thị K chết để lại là 04 (bốn) nhà, đất tại số B, 241, 243, 245 đường C, phường B, T (nay là thành phố) Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Từ đó, bà D1 yêu cầu: Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có nghĩa vụ thanh toán (trả) số tiền 1.988.668.000 đồng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lý Đồng S và cụ Lâm Thị K là: Ông Lý Đồng V, bà Phan Thị D2 (do được hưởng thừa kế chung). Yêu cầu này của bà D1 là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 642 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo này của đại diện nguyên đơn.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án (như nội dung thỏa thuận đã nêu trên). Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên Tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 176, khoản 2 Điều 177, Điều 192, Điều 196, Điều 201 của Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 155, Điều 170, Điều 171, Điều 185, Điều 190, Điều 195, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 150, Điều 166, Điều 187, 191, Điều 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận kháng cáo của đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị D1 và Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

1.1. Công nhận những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) được quyền sở hữu, sử dụng chung căn nhà, đất có diện tích 121,4 m² (diện tích hiện trạng 125,5 m²), thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại số B, đường C, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà và các công trình phụ; nhà đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Liêu Văn T4, thửa 27; Tây giáp thửa 29; Nam giáp đường CMT8; Bắc giáp thửa 25.

(Kèm theo Bản án là: Bản đồ trích đo hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH T5 lập ngày 26/8/2015).

1.2. Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) có nghĩa vụ thanh toán (trả) số tiền 1.700.000.000 (một tỷ, bảy trăm triệu) đồng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lý Đồng S và cụ Lâm Thị K là: Ông Lý Đồng V, bà Phan Thị D2.

1.3. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị L (gồm: ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H) được quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật, sau khi đã trả đủ số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm triệu đồng) cho ông Lý Đồng V và bà Phan Kim D.

[2] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Đồng V, ông Lý Thái B, ông Lý Hồng M, bà Phan Kim D không phải chịu.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (1)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (3)
- ĐD NLQ; (1)
- Lưu VT (6), HS (2) T.18 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long